TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/DS-ST
Ngày: 29 - 8 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Xuân M, sinh năm 1984, địa chỉ: Khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn V, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1991, địa chỉ: Khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Đoàn Văn T1, sinh năm 1988, địa chỉ: Khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn M1 trình bày:

Anh và anh Lê Văn T có quen biết vì thường xuyên qua lại chơi với nhau. Khi anh T nói là cần tiền để làm ăn và hỏi vay tiền anh, anh rất tin tưởng vì thấy nhà anh T làm bãi cát và có mấy xe tải chở cát, nên anh có cho anh T vay tiền ba lần, cụ thể như sau: Lần thứ nhất, vào tháng 2 năm 2020 anh T vay 500.000.000 đồng; Lần thứ hai, vào tháng 5 năm 2020 anh T vay 700.000.000 đồng; Lần thứ ba, vào ngày 26 tháng 7 năm 2020 tại nhà anh Đoàn Văn T1 ở khu C, thị trấn T anh T vay 1.000.000.000 đồng, tổng cộng ba lần vay là 2.200.000.000 đồng. Sau đó anh và anh T có thống nhất là cộng dồn cả ba khoản vay lại, nên anh T có viết giấy vay tiền anh theo Hợp đồng cho vay tiền ghi ngày 26 tháng 7 năm 2020 với số tiền vay là 2.200.000.000 đồng, thời hạn vay là từ ngày 26 tháng 7 năm 2020 đến ngày 18 tháng 11 năm 2020 và thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng; Hợp đồng cho vay tiền có chữ ký của anh M1, anh T và người làm chứng là anh Đoàn Văn T1. Các lần vay tiền anh T mới chỉ trả lãi của hai khoản vay 500.000.000 đồng và 700.000.000 đồng đến ngày 26/7/2020, còn lại chưa trả được nợ gốc và tiền lãi của số tiền vay 2.200.000.000 đồng từ ngày 26/7/2020 đến nay. Anh đã tìm gặp yêu cầu anh T trả nợ nhiều lần, nhưng anh T cố tình trốn tránh, không trả nợ cho anh. Nay anh M1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lê Văn T phải trả nợ cho anh số tiền nợ gốc 2.200.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 26/7/2020 cho đến khi trả hết nợ cho anh.

Tại bản tự khai 10/8/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Văn T trình bày:

Vào năm 2020 anh có quen anh Nguyễn Ngọc V và có vay của anh V tiền để làm ăn. Đến tháng 10 năm 2020 thì do làm ăn thua lỗ, anh không có khả năng trả lãi cho anh V nữa, thì anh V có gọi anh đến và bảo anh viết giấy ghi nợ cho anh V. Trong giấy ghi nợ ghi rõ nội dung vay tiền của anh M1 với số tiền 2.200.000.000 đồng, còn thực tế anh không quen biết anh M1. Vào cuối năm 2020 và năm 2021 do tình hình dịch Covid, nên anh vẫn chưa có việc làm để trả nợ. Đến cuối năm 2021 thì anh V và nhóm người của anh V có liên tục đến nhà anh đòi nợ và đe dọa anh, nên cuối năm 2021 anh có đi vào Thành phố Hồ Chí Minh làm điện lạnh. Trong quá trình đi làm thuê anh có liên lạc với anh V để thương lượng xin anh V cho khất nợ và được trả dần nhưng anh V không đồng ý. Đến tháng 4/2023 anh về nhà ở thôn V, xã X để làm ăn, nhưng hiện tại anh chưa có công việc làm và thu nhập để giải quyết công nợ cho anh V. Anh T xác nhận khoản nợ đã vay của anh V và có ý kiến mong Tòa án có phương án thương lượng cho hai bên, để anh trả nợ cho anh V.

Tại bản tự khai ngày 07/8/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Ngọc V trình bày:

Anh và anh Nguyễn Xuân M có quan hệ là bạn bè thân thiết với nhau. Anh M có nhiều lần vay tiền của anh để làm ăn và đã hoàn trả đầy đủ. Vào ngày 25/7/2020 anh M có đến nhà anh vay số tiền 1.000.000.000 đồng, anh M có nói là vay để cho anh Lê Văn T ở xã X vay lãi, còn thực tế việc anh M cho anh T vay tiền cụ thể như

thế nào thì anh không biết và không liên quan. Anh V khai khẳng định anh V không cho anh Lê Văn T vay tiền, còn việc anh cho anh M vay tiền thì anh và anh M sẽ tự giải quyết với nhau.

Tại bản tự khai ngày 28/12/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người làm chứng là anh Đoàn Văn T1 trình bày:

Anh có quan hệ quen biết với anh M và anh T, do có chơi qua lại với nhau. Vào ngày 26/7/2020 anh Lê Văn T có đến nhà anh chơi, được một lúc thì anh M đến. Anh thấy anh M cho anh T vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Sau đó anh M và anh T có thống nhất với nhau là viết gộp số tiền anh T đang nợ anh M trước đó là 1.200.000.000 đồng với số tiền vay mới, ghi thành giấy vay tiền ngày 26/7/2020 với tổng số tiền là 2.200.000.000 đồng và thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng. Khi anh M và anh T2 ký giấy vay tiền thì hai anh có nhờ anh ký làm chứng. Sau đó việc anh T trả nợ cho anh M như thế nào, thì anh không biết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ về trình tự, thủ tục, nhiệm vụ, quyền hạn theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; đã cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quền và lợi ích hợp pháp của M2, tuy nhiên không có mặt theo triệu tập của Tòa án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

II. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, khoản 1 Điều 119, khoản 1 Điều 280, 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Xuân M.

Buộc anh Lê Văn T phải trả nợ cho anh Nguyễn Xuân M số tiền nợ gốc là 2.200.000.000 đồng và số tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng đến ngày tuyên án. Ngoài ra, nếu anh T chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí dân sự: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của anh Nguyễn Xuân M và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn là anh Lê Văn T, cư trú tại thôn V, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Lê Văn T vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét Hợp đồng cho vay tiền ghi ngày 26 tháng 7 năm 2020 do nguyên đơn anh Nguyễn Xuân M xuất trình, thấy rằng: Nội dung có ghi nhận việc anh Lê Văn T có vay của anh Nguyễn Xuân M số tiền 2.200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng, thời hạn vay tiền là từ ngày 26/7/2020 đến ngày 18/11/2020; Hợp đồng có chữ ký của người cho vay tiền là Nguyễn Xuân M, người vay tiền là Lê Văn T và người làm chứng là Đoàn Văn T1. Qúa trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Xuân M, anh Lê Văn T và anh Đoàn Văn T1 đều thừa nhận nội dung trong giấy vay tiền ghi ngày 26/7/2020 và xác nhận về chữ viết chữ ký của anh M, anh T và anh T1. Do đó, có cơ sở xác định Hợp đồng cho vay tiền ghi ngày 26/7/2020 nêu trên có hiệu lực pháp luật, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch dân sự. Đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có tính lãi.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Xuân M về số tiền nợ gốc và tiền lãi, thấy rằng:

[3.1] Qúa trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Văn T xác nhận có nợ của anh Nguyễn Ngọc V số tiền 2.200.000.000 đồng và có ý kiến cho rằng: anh nợ tiền của anh Nguyễn Ngọc V không trả được nợ, nên anh V có yêu cầu viết giấy ghi nợ cho anh V, trong giấy ghi nội dung là vay tiền của anh M số tiền 2.200.000.000 đồng, còn thực tế anh T không biết anh M. Tiến hành làm việc với anh Nguyễn Xuân M, thì anh M khai khẳng định việc anh cho anh T vay tiền không liên quan gì đến anh V; Anh Nguyễn Ngọc V khai khẳng định anh không cho anh T vay tiền như anh T trình bày, việc vay mượn tiền giữa anh M và anh T anh không biết và không liên quan. Như vậy lời trình bày của anh T là không có căn cứ. Căn cứ vào "Hợp đồng cho vay tiền" ghi ngày 26/7/2020 do anh M xuất trình, lời khai của người làm chứng Đoàn Văn T1, có đủ cơ sở khẳng định: vào ngày 26/7/2020 anh Lê Văn T có vay của anh Nguyễn Xuân M số tiền 2.200.000.000 đồng. Theo Hợp đồng cho vay tiền, thì hai bên có thỏa thuận thời hạn vay tiền là từ ngày 26/7/2020 đến ngày 18/11/2020. Như vậy, anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, nên việc anh M khởi kiện đòi nợ là có cơ sở. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Xuân M, buộc anh Lê Văn T phải trả nợ cho anh Nguyễn Xuân M số tiên nợ gốc là 2.200.000.000 đồng.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi: Tại "Hợp đồng cho vay tiền" anh M và anh T có thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng, thời điểm vay là ngày 26/7/2020. Xét thỏa thuận về lãi suất 1%/tháng giữa hai bên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, do đó xác định lãi suất là 1%/tháng = 12%/năm = 0,0328%/ngày. Anh M yêu cầu tính lãi từ ngày vay 26/7/2020, tính đến ngày xét xử (29/8/2023) là 1.129 ngày. Vì vậy, xác định số tiền lãi anh T phải trả cho anh M tính đến ngày 29/8/2023 là 816.591.780 đồng.

[3.3] Như vậy, tổng cộng cả gốc và lãi, số tiền anh Lê Văn T phải trả cho anh Nguyễn Xuân M tính đến ngày 29/8/2023 là 3.016.591.780 đồng, trong đó: Nợ gốc 2.200.000.000 đồng, nợ lãi 816.591.780 đồng.

[4] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn anh Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí, nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Vê quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 6 Điều 19, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Nguyễn Xuân M.

Buộc anh Lê Văn T có trách nhiệm trả nợ cho anh Nguyễn Xuân M tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 29/8/2023 là 3.016.591.780 đồng, trong đó: Nợ gốc 2.200.000.000 đồng, nợ lãi 816.591.780 đồng.

Kể từ ngày 30/8/2023 anh Lê Văn T còn phải trả lãi đối với số tiền nợ gốc chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận là 1%/tháng (12%/năm) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí: Anh Lê Văn T phải nộp 92.331.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Nguyễn Xuân M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 43.280.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0014320 ngày 11/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tiến